

KẾ HOẠCH

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2021

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 (gọi tắt là Nghị định số 07); Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 (gọi tắt là Quyết định số 24); Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình và mẫu biểu báo cáo (gọi tắt là Thông tư số 07); Công văn số 2499/LĐTBXH-VPQGGN ngày 02/8/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình;

Thực hiện Kế hoạch số 127/KH-UBND ngày 26/8/2021 của UBND huyện Hoàng Hóa về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2021;

Ủy ban nhân dân xã Hoàng Thịnh ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2021 với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

1.1. Tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 và Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018) để đo lường, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình giảm nghèo năm 2021 .

1.2. Tổ chức rà soát nhằm xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025 quy định tại Nghị định số 07, Quyết định số 24 là cơ sở để đo lường và giám sát mức độ thiếu hụt về thu nhập và dịch vụ xã hội cơ bản của người dân .

2. Yêu cầu

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020 phải được thực hiện đúng phương pháp, quy trình, được quy định tại Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 và Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025 phải được thực hiện đúng phương pháp, quy trình, được quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021; Thông tư số 07/2021/TTg-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 đảm bảo công khai, dân chủ; đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương; sự giám sát của Mặt trận tổ quốc và sự tham gia của người dân.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi: - Trên địa bàn toàn xã.

2. Đối tượng áp dụng

Hộ gia đình, các đơn vị, tổ chức và cá nhân tham gia công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn xã.

III. NỘI DUNG

1. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 và Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018). Các bước thực hiện theo Kế hoạch này của UBND xã.

2. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2021 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025

2.1. Tiêu chí đo lường nghèo đa chiều, chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo

2.1.1. Tiêu chí đo lường nghèo đa chiều

- Tiêu chí thu nhập và Tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản
- **Các dịch vụ xã hội cơ bản (06 dịch vụ), gồm:** việc làm; y tế; giáo dục; nhà ở; nước sinh hoạt và vệ sinh; thông tin.

2.1.2. Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình

a) Chuẩn hộ nghèo: - Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt **từ 03** chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản **trở lên**.

b) Chuẩn hộ cận nghèo: - Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt **dưới 03** chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

c) Chuẩn hộ có mức sống trung bình: - Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng.

2.2. Quy trình, tiến độ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình

2.2.1. Quy trình rà soát định kỳ (theo quy định tại điều 4 Quyết định số 24)

Bước 1. Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát (Mẫu số 03). **Xong trước ngày 04/9/2021.**

Ban Chỉ đạo rà soát xã chủ trì, phối hợp với thôn rà soát viên lập danh sách hộ gia đình cần rà soát, gồm:

- Hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do UBND xã đang quản lý tại thời điểm rà soát;

- Đối với hộ gia đình có giấy đề nghị rà soát (Mẫu số 01) và những hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm, có nguy cơ nghèo, cận nghèo do rà soát viên, trưởng thôn phát hiện lập danh sách đưa vào Mẫu số 02 (Phiếu A) để nhận dạng nhanh hộ gia đình không thuộc đối tượng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo. Trường hợp có dưới 4 tiêu chí thì đưa vào danh sách hộ cần rà soát.

Lưu ý: Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã, lực lượng rà soát viên, trưởng thôn chủ động phát hiện những hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm, có nguy cơ nghèo, cận nghèo để hướng dẫn hộ gia đình làm giấy đề nghị đưa vào danh sách các hộ rà soát nhanh theo phiếu A.

Bước 2. Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình (Mẫu số 4.2). **Xong trước ngày 13/9/2021.**

Ban Chỉ đạo rà soát xã, phối hợp với trưởng thôn và rà soát viên thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình.

Bước 3. Các thôn tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát vào **ngày 15/9 đến ngày 16/9/2021.**

- Thành phần cuộc họp: Ban Chỉ đạo rà soát xã, công chức, cán bộ được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo ở từng thôn, Trưởng thôn (chủ trì họp), Bí thư Chi bộ thôn, đoàn thể, rà soát viên và một số đại diện hộ gia đình qua rà soát, hộ gia đình khác; mời đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã giám sát.

- Nội dung cuộc họp: Lấy ý kiến thống nhất của ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp về kết quả đánh giá, tính điểm đối với các hộ gia đình qua rà soát (chủ yếu tập trung vào các hộ nghèo, hộ cận nghèo mới phát sinh và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo). Trường hợp ý kiến thống nhất dưới 50%, thực hiện rà soát lại từ bước 2 theo quy định.

- Kết quả cuộc họp được lập thành 02 biên bản (Mẫu số 05), có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp và đại diện của các hộ dân (01 bản lưu ở thôn, phó 01 bản gửi Ban Chỉ đạo rà soát xã).

Bước 4. Niêm yết, thông báo công khai.

- Niêm yết công khai kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (Mẫu số 06, Mẫu số 07) tại nhà văn hóa thôn và trụ sở UBND xã; thông báo trên đài truyền thanh xã trong thời gian **03 ngày** làm việc. **Xong trước ngày 20/9/2021.**

- Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có khiếu nại của người dân, Ban Chỉ đạo rà soát xã tổ chức phúc tra kết quả rà soát theo đúng quy trình rà soát trong thời gian không quá **07 ngày** làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại; niêm yết công khai kết quả phúc tra tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, và trụ sở UBND xã trong thời gian **03 ngày** làm việc. **Xong trước ngày 30/9/2021.**

- Hết thời hạn niêm yết công khai và phúc tra (nếu có), Ban Chỉ đạo rà soát xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND xã về danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo (ngay sau khi rà soát).

Bước 5. Báo cáo, xin ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện:

- Chủ tịch UBND xã báo cáo bằng văn bản, gửi Chủ tịch UBND huyện về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn (Mẫu số 06, Mẫu số 08). **Xong trước ngày 2/10/2021.**

Bước 6. Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo. **Xong trước ngày 15/10/2021.**

Chủ tịch UBND xã tiếp thu ý kiến của Chủ tịch UBND huyện, quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn (Mẫu số 19) và cấp Giấy chứng nhận cho hộ nghèo, hộ cận nghèo (Mẫu số 20).

2.2.2. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm

- Thực hiện theo quy định tại điều 5 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

- Thời gian rà soát: mỗi tháng 01 lần, thực hiện từ ngày 15 hằng tháng.

2.2.3. Quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình

- Thực hiện theo quy định tại điều 6 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

- Thời gian thực hiện: Từ ngày 15 hằng tháng.

2.3. Phương pháp rà soát và phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo

2.3.1. Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 24: Khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp điểm theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Kế hoạch này để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo như sau:

- Về mức thu nhập bình quân đầu người (gọi là điểm B1):

+ Ở khu vực nông thôn: 140 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 1.500.000 đồng/người/tháng;

- Về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (gọi là điểm B2): 10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

2.3.2. Phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo

- Hộ nghèo:

- + Khu vực nông thôn: hộ có điểm B1 \leq 140 điểm và điểm B2 \geq 30 điểm
- Hộ cận nghèo:
- + Khu vực nông thôn: hộ có điểm B1 \leq 140 điểm và điểm B2 $<$ 30 điểm

2.4. Phương pháp xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và điểm nghiệp có mức sống trung bình

Là phương pháp xác định thu nhập của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát, không tính khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập của hộ gia đình.

2.5. Hệ thống biểu mẫu, phiếu rà soát

Hệ thống biểu: Tại phụ lục II kèm theo Kế hoạch này, gồm: Các biểu mẫu quy định tại Quyết định số 24, Thông tư số 07 đã được đánh lại số thứ tự và một số mẫu biểu có bổ sung thêm thông tin nhằm phục vụ công tác tổng hợp và thực hiện chính sách giảm nghèo có liên quan.

3. Báo cáo kết quả rà soát

3.1. Báo cáo kết quả rà soát định kỳ năm 2021

3.1.1. Báo cáo sơ bộ

- Chủ tịch UBND cấp xã báo cáo Chủ tịch UBND huyện *trước ngày 20/10/2021*. Hồ sơ báo cáo gồm: Công văn báo cáo và Biểu tổng hợp theo Mẫu số 06, Mẫu số 08.

3.1.2. Báo cáo chính thức (gồm kết quả rà soát hộ nghèo, cận nghèo theo chuẩn giai đoạn 2016 - 2020 và chuẩn giai đoạn 2022 - 2025)

Hồ sơ báo cáo được lập lưu tại xã

UBND xã báo cáo UBND huyện *trước ngày 29/10/2021*. Hồ sơ gồm:

- Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo của Chủ tịch UBND xã (Mẫu số 19) kèm hệ thống biểu tổng hợp của xã từ Mẫu số 08 đến Mẫu số 18 theo chuẩn giai đoạn 2022 - 2025.

- Quyết định công nhận kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của Chủ tịch UBND xã kèm các biểu mẫu tổng hợp theo chuẩn giai đoạn 2016 - 2020.

- **Hồ sơ lưu tại UBND xã gồm:** (1) Hệ thống bảng biểu, Giấy đề nghị rà soát, Phiếu rà soát; (2) Văn bản xin ý kiến của Chủ tịch UBND xã và văn bản trả lời của Chủ tịch UBND huyện về kết quả rà soát; (3) Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo của Chủ tịch UBND xã, biểu tổng hợp xã; (4) Quyết định phê duyệt kết quả rà soát của Chủ tịch UBND huyện kèm các biểu mẫu tổng hợp; (5) Các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện tại xã.

3.2. Báo cáo kết quả rà soát thường xuyên

Ngày 05 hằng tháng (từ tháng 02 đến tháng 9), Chủ tịch UBND xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND huyện kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên trên địa bàn (nếu có).

4. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 đã được phân bổ tại Quyết định số 5399/QĐ-UBND ngày 19/12/2020 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2021 và hướng dẫn của UBND huyện.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các ban, ngành và các thành viên Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, cận nghèo xã

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2021 của Chủ tịch UBND xã về việc thành lập Ban Chỉ đạo.

Thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo địa bàn thôn phụ trách kèm theo Kế hoạch này.

Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ với Trưởng Ban Chỉ đạo xã (qua đ/c Lương Thị Linh) *trước ngày 10/11/2021*.

2. Công chức Văn hóa chính sách - Xã hội

Xây dựng kế hoạch rà soát và Chủ trì, phối hợp các thôn, ban, ngành có liên quan triển khai Kế hoạch rà soát, chỉ đạo, tổ chức, theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc các thôn, thực hiện rà soát.

- Tổ chức tập huấn quy trình và bộ công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình cho thành viên Ban Chỉ đạo xã, trưởng các thôn.

- Chuẩn bị biểu mẫu, phiếu, tài liệu hướng dẫn việc rà soát.

- Chủ trì, kiểm tra, phúc tra, giám sát quá trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại các thôn.

- Tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND xã kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo sơ bộ và chính thức.

3. Công chức Kế Toán – ngân sách

Hướng dẫn sử dụng kinh phí, thanh quyết toán kinh phí rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo đúng quy định .

4. Công chức Văn hóa – xã hội

Thu thập thông tin, xây dựng nội dung, hình thức tổ chức thông tin, tuyên truyền về mục đích ý nghĩa và phương pháp, quy trình công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021, tiêu chí và mức chuẩn nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều áp dụng trong giai đoạn 2022-2025 và việc xác định hộ nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình. Viết tin, bài về công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình với nội dung, hình thức phù hợp với tình hình của địa phương.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã

- Chủ trì, giám sát việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên phạm vi toàn xã.

- Chỉ đạo trưởng ban công tác mặt trận các thôn chủ trì tổ chức giám sát việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn thôn, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, các văn bản pháp luật có liên quan đến công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, làm tốt công tác tuyên truyền và thực hiện giám sát việc rà soát trong thôn.

Trên đây là kế hoạch Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2021 và giai đoạn (2022-2025). Trên địa bàn xã đang vào thời điểm tập trung cao độ công tác dịch bệnh covid-19; diễn biến của dịch bệnh đang hết sức phức tạp, khó lường, nguy cơ lây lan bùng phát cao. Để đảm bảo an toàn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các ban, ngành, MTTQ và các đoàn thể, các thôn được giao thực hiện Kế hoạch rà soát, đặc biệt là các Ông (bà) trưởng thôn là lực lượng rà soát viên khi tiếp xúc với người dân, hộ gia đình để tiến hành rà soát phải thực hiện nghiêm các quy định về phòng chống dịch của UBND xã, UBND huyện, UBND tỉnh và ngành y tế đang áp dụng trên địa bàn xã.

Trong quá tổ chức triển khai thực hiện nếu còn vướng mắc phát sinh, đề nghị các ban, ngành, các Ông(bà) Trưởng thôn phản ánh kịp thời về Ban Chỉ đạo (qua công chức chính sách xã) để phối hợp, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Phòng Lao động-TBXH (b/c);
- Thường trực Đ.ủy, HĐND xã (b/c);
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- UBMTTQ và các đoàn thể xã (p/h);
- Thành viên BCD (t/h);
- Các Ông(bà) Trưởng Thôn(t/h);
- Lưu VT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Bá Hải

PHỤ LỤC I
BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ VÀ ĐỊA BÀN PHỤ TRÁCH
CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN CHỈ ĐẠO

(Kèm theo Kế hoạch số KH-UBND ngày tháng năm 2021
của UBND xã)

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Nhiệm vụ, đơn vị được phân công
1.	Đ/c Lê Bá Hải	Chủ tịch UBND xã - Trưởng BCD	Chỉ đạo, điều hành chung công việc rà soát trên địa bàn toàn xã.
2.	Đ/c Hoàng Ngọc Minh	Phó Chủ tịch UBND Phó trưởng BCD	Chỉ đạo, đôn đốc các thành viên BCD tổ chức rà soát theo KH
3.	Đ/c Lê Thu Hằng	VP Thống kê	Hỗ trợ công chức CSXH trong việc tổng hợp kết quả rà soát.
4.	Đ/c Lương Thị Linh	Công Chức Lao động - TBXH - Phó ban	Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra và tổng hợp, báo cáo tiến độ, kết quả rà soát trên địa bàn toàn xã về BCD huyện theo quy định.
5.	Đ/C Lê Ngọc Chinh Đ/c Chu Thế Thành	CT. CCB xã CC. KT-NS	Chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát trực tiếp tại: Thôn Đông Anh Vinh.
6.	Đ/c Nguyễn Thị Hoa	CC - VHXX	Chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát trực tiếp tại: Thôn Tây Anh Vinh.
7.	Đ/c Lê Văn Thủy Đ/c Lê Thị Tiến	P.CTHĐND xã CC. TP-HT	Chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát trực tiếp tại Thôn Thịnh Hòa
8.	Đ/c Khương Phú Tới	CT-MTTQ xã	Chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát trực tiếp tại Thôn Bình Tây
9.	Đ/c Lê Trần Cương Đ/c Hoàng Thị Bình	CT-HND xã BT Đoàn TN	Chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát trực tiếp Thôn Nam Đoan Vỹ
10.	Đ/c Trương Thị Nga	CT - HPN	Chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát trực tiếp tại Thôn Bắc Đoan Vỹ